

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
1	11295	Y Căl (tức Amala)	Buôn Xa, huyện 2, tỉnh Đắk Lắk	Huân chương chiến sĩ
2	11296	Hồ Thị Ba (Bí danh: Quý Ta)	Xã Buôn Đá, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
3	11298	Lê Ô Bá (Bí danh: Banh)	Xã Ai Nu, huyện Che Reo, tỉnh Đắk Lắk	
4	11299	Mô Lô Y Bay (Y Minh)	Quê quán: Xã Êa Kniv, thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
5	11300	Ka Sơn Bắc (Việt Thanh)	Buôn DLiêYa, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
6	11301	Niê Bằng	Buôn Tung, xã 2, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
7	11303	Niê Y Bhiông (Phiôn, Y Triễn; YBRăk Niê)	Buôn Tlan, Xã B Wìng, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
8	11304	HĐok Y Bích	Buôn KBu, Xã Nam, huyện 6, tỉnh Đắk Lắk	
9	11305	Đức Y Bích (Đức Y Trí)	Buôn Ea Na, Xã 6, huyện Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
10	11307	Niê Y Bình (Niê Y Nhung; Y Nhong)	Buôn Yuk, Xã Lăc ma trung, huyện Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
11	11308	Ama Blang (ADRong Cảnh, Y Thanh)	Buôn Adsong, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
12	11310	Y Blech (Y Mu, Niê BLếch)	Buôn AGun, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
13	11311	Y Blih (Hoi, HVìng Y Blih)	Huyện Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
14	11312	Mô lô Blôi (Rơ Chăm Khôi)	Xã Êa HMLai, huyện MaDRăk, tỉnh Đắk Lắk	
15	11313	Ral Lan BLung	Xã Buôn Đôn, huyện Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
16	11314	Y Bóp	Xã 3, huyện 2, tỉnh Đắk Lắk	
17	11316	Y Gỏi Kbuôr (Y PLăng A Buôr)	Xã Buôn Dhùng, huyện H5, tỉnh Đắk Lắk	
18	11317	Niê Cun	Buôn Jun rôi, xã Ee Súp, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
19	11318	Lê Chang (Lê Tung)	Thôn Dúc La, xã I, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
20	11319	KSonr Chi (KSon Cih; KSon Chi)	Xã Êa Htrol, huyện Rladrak, tỉnh Đắk Lắk	Giấy khen, ảnh

21	11320	Buôn Xã Y Chik	Buôn Ea, xã Buôn E Rang, huyện ban Mê Thuật tỉnh Đắk Lắk	
22	11321	Ka Sor Y Chín	Xã Buôn Pông, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
23	11322	Mô - Lô - Y - Niê - Choi	Thôn Buôn Thing, xã Êa Truôn, huyện MaĐrăk tỉnh Đắk Lắk	ảnh
24	11324	A Ma Danh (Gu)	Thôn 4, xã Ê Nu, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
25	11325	Long Dinh (Hoàng Y Dinh)	Buôn Năng Đông, xã 1, huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
26	11326	A Ma DLiê (Knul Y Đôk, Y Som)	Buôn Tu Sria, xã 5, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
27	11327	KPă Y Dai (KPă Y Tonh; Y Sa)	Thôn Phi Êa Chă, xã phi Ngôl, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
28	11329	Knă Dùi (Đia Hôn)	Buôn chơ Nia, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
29	11330	Rơ Châm Đài (Rơ Châm Gia)	Buôn Dù Hợp, xã Đất Bằng, huyện H2 tỉnh Đắk Lắk	
30	11331	Niê Đắc (Bung)	Thôn Buôn Riêng, Xã Ea Rang, huyện Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk	Huân chương chiến sĩ về vang, giấy chứng nhận đeo huân chương, huân chương chiến thắng, Huy chương kháng chiến, bằng khen, giấy khen, khen tặng, khen tặng thưởng
31	11333	H Ving Y ĐHun (H Ving Y Tông)	Bôn Dhai, xã Êa Êbar, huyện 1, tỉnh Đắk Lắk	
32	11336	Y Đốc (Y Som)	xã 5, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
33	11337	KMăn Y Đường (K Măn Y Blô, KMăn Y RaLan)	xã Lăc Ma Trung, huyện Lăc Thiện, tỉnh Đắk Lắk	
34	11338	KPă Giác	Buôn bung, xã Dliêgia, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
35	11339	Y Gió (Y Nghĩa; Y Duôl)	Xã Buôn Kết, huyện H2, tỉnh Đắk Lắk	

36	11341	KPả Hạnh (KPả YKơ)	Buôn Ma Nung, xã kỳ Prao,huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
37	11342	Thân Thị Hạnh (Thân thị Yên)	Xã Đồn Điền, huyện Ca Đa, tỉnh Đắk Lắk	
38	11343	Y Bih Héo	Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk	
39	11344	Y Hiên (Pa Lan Rin; Y Her)	Xóm Ama Nháo, xã Ai Nù, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
40	11348	Niê H Lem	Xã 1,huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
41	11349	Kunh Hlui (HDLong)	Xã Buôn Thung, huyện Buôn Hồ (H5), tỉnh Đắk Lắk	
42	11350	RYam HMăng	Xã An Lạc Thiện,huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
43	11351	AMa Hoanh (Xiêm; KSor Hoanh)	Xã Êa Truôl, huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	
44	11352	Minh Hoạt (Y Hoạt; Y Nia)	Xã buôn Vinh, huyện Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk	
45	11353	Niê Y Hồ (Niê Y Hoa; Lê Xuân Hòa)	Xã Buôn Bai, huyện MĐRăk tỉnh Đắk Lắk	
46	11354	NêA Hợp	Xã Suối trai, huyện MĐRăk tỉnh Đắk Lắk	
47	11355	Y Nguyên Niê Hra (Niê HRa Sai, Krông Pa)	Buôn Phai xã ÊaKlôt huyện MĐRăk tỉnh Đắk Lắk	
48	11356	Y Hra (Y Tơ Nu)	xã cho ro huyện 3 tỉnh Đắk Lắk	
49	11360	Niê Hving (Niê HChũi)	xã Buôn Vinh (A03) huyện Buôn Hồ (A5)tỉnh Đắk Lắk	
50	11361	Niê KDăm Jôn (Minh Sơn; Cao Nguyên)	xã Krông Búk huyện Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk	
51	11362	Y Gỏi KBuôn	Buôn Phung, xã Êa đông - H5,tỉnh Đắk Lắk	
52	11363	Y Lai Niê KDăm (Niê Lai)	Buôn Bươn, xã Êa bir, huyện MDRăk,tỉnh Đắk Lắk	
53	11365	Y Ly Niê KDăm	Buôn Ma Thuật,tỉnh Đắk Lắk	
54	11366	Võ Xuân Kiều	xã Ê ban huyện Ma DRăk,tỉnh Đắk Lắk	
55	11367	AMí Kim (RaLan HNuăn; HNông)	xã đất Bằng huyện Cheo ReoH2,tỉnh Đắk Lắk	
56	11370	Krang (Tép)	Thôn Lách Dông, xã 3, huyện 10,tỉnh Đắk Lắk	
57	11371	J Krông (YHoa)	Buôn Tang Dục, xã 1, huyện 10,tỉnh Đắk Lắk	
58	11372	Nay Kuăc (Nay Len)	Làng Ôn Nu, xã Ôn Nu, huyện Cheo Reo tỉnh Đắk Lắk	

59	11373	Niê Kum	Làng Buôn Dum Ruối, xã EaSúp, huyện Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk	
60	11374	Y Kunh	xã 5, huyện H9, tỉnh Đắk Lắk	
61	11375	Niê KDăm Khanh (Nguyễn Văn Hồng)	: Quê quán: Buôn BLéch, EaDRăng, tỉnh Đắk Lắk	
62	11376	Niê Y Khốc	Buôn Kêng, xã EaBon, huyện MDRắk, tỉnh Đắk Lắk	
63	11377	YB Là (Y Tuh; Nguyễn Hồng Phúc)	Buôn Tráp, xã 16, Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
64	11378	AMa YLang		
65	11379	Y Blang (A DRuy Lăng)	Huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
66	11380	AMa Lắc (Y Kue)	Buôn Gia Tu, xã Lắc MNưng Huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk	
67	11381	KSon Lê (KSon Y Lê)	Thôn Buôn Bai, xã Ka Bon Huyện MDRăK, tỉnh Đắk Lắk	
68	11383	Y BLéch	xã Buôn Vích Huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
69	11386	Nay Y Liên (Nay Y Tâm)	Buôn Puh, huyện H2, tỉnh Đắk Lắk	
70	11387	Y Liêng (Y Ở Ung)	Bún năng Đổng, huyện Quảng Phung, tỉnh Đắk Lắk	
71	11388	Nay KDam Loai	Buôn Lê Diêm, huyện MDRắk, tỉnh Đắk Lắk	
72	11389	Hồ Thị Loan (HDum; HBlôn; HYum; HLoan)	Buôn Căm, Xã Lặc Măng, huyện Lặc Thiện, tỉnh Đắk Lắk	
73	11390	Y Loang (Niê Y Duyên; Y DRuôn)	Buôn Chử DRăm, xã Ēa Găm, huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
74	11393	KSor YB Lóc (KSor Lóc)	Thôn Buôn Di, xã Ea Bôn, huyện MaDRắk, tỉnh Đắk Lắk	
75	11395	Y B Lóc	Xã Cabon, huyện Ha trác,tỉnh Đắk Lắk	
76	11396	KSor Y BLum	Xã Buôn Lây, huyện H3, tỉnh Đắk Lắk	
77	11397	Hát Lui (Hát Thị Lăng)	Xã Buôn Vin, huyện H5, tỉnh Đắk Lắk	
78	11398	AMí Lùm (AMí Dui; Niê HLùm)	Xã Buôn Rung, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
79	11399	Cao Y Luyện (Y Bang Buôck)	Xã Buôn Rung, huyện Lắc Thiện, tỉnh Đắk Lắk	
80	11400	Xô Ô Lru (Ca Sỷ Nhă)	Xã Bir, huyện Đor Răc, tỉnh Đắk Lắk	
81	11401	H Mai (H Doi)	Buôn Giục RLing, Xã 6, huyện 8, tỉnh Đắk Lắk	

82	11402	A Yim Y Mang	Xã Mỏ Bru, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
83	11404	Hồ Ngọc Minh	Làng Pang Tùng, xã Đàn Nghê, huyện Đà Lạt, tỉnh Đắk Lắk	
84	11405	MôLô Y Minh	Xã 2, huyện Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
85	11406	Niê Y Minh (Y BRâu Niê)	Quê quán: Buôn Hiaon, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
86	11407	Phan Văn Minh (Krông Minh; Y Môk)	Thôn Buôn Mã, xã Lạc Bình, huyện Lạc Thiện, tỉnh Đắk Lắk	
87	11408	Y Minh (Niê BRao)	Xã Buôn, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
88	11409	KPă Y Mô	Xã EaTrang, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
89	11410	Buôn Ya Y Mốt	Buôn Liêng PLang, xã 1, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
90	11411	Niê KDăm My	Làng Buôn Huanh, xã Krông Nang, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
91	11412	Ê Mô Nang (Y Nang ÊMô)	Xã EaBir, huyện MaDRăk, tỉnh Đắk Lắk	
92	11413	KSor Y Nêch (Khoi Y Ních)	Xã Ly Gia, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
93	11414	K Sor Ama Ni (KSor Y RLong - KRor Y Jun)	Buôn Nang Dông, xã Iaka, H9,tỉnh Đắk Lắk	
94	11415	K Sor Ních	Xã Buôn Khăm, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
95	11417	ÊBan Y Niên (Ê Ban Y Lê)	Xã Ea KNie, huyện 6, tỉnh Đắk Lắk	
96	11418	Pơ Chăm Nin (Pơ Chăm BReng; Ama Fat)	Xã Bùn Chăm, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
97	11419	Niê Y Noa (Nam)	Buôn Cham, xã Krông Tul, huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
98	11420	Y Tơ Nu (Y Hoa; Niê Lên)	Xã 08, huyện H3, tỉnh Đắk Lắk	
99	11421	Y Nương (Buôn Yă Nương, Lương)	Buôn Doai Ling, huyện 6, tỉnh Đắk Lắk	
100	11422	Niê Ngai (Iêr)	Buôn JRai, xã Dac Heo, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
101	11423	Y Ngãi (Y êr)	Buôn Rudai, xã 2, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
102	11424	Buôn Jă Nghê	Thôn Buôn Chăm Ngó, xã Buôn Bơc Ót, Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	

103	11426	Phan Thanh Ngọc (Thính)	Xã Đất Bằng, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
104	11427	Ê Ban Y Nguyên (Trọng Chí Lưu; Ê Ban Briêu)	Xã Lạc Măn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	
105	11428	Y Ngur	A3-H1, tỉnh Đắk Lắk	
106	11429	Niê Ngự (Niê Kuil)	Xã buôn Pung, huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	
107	11431	Nguyễn Tấn Nhân	tỉnh Đắk Lắk	
108	11432	Lê Văn Nhi (Niê Bôk(Nay Nhi))	Buôn Heo, xã Dê Da, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
109	11434	Niê Y Phi Ôn (Niê Y Brak; Niê Y Bhiêng.)	Buôn Tlan, xã Buôn Wing,huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
110	11435	Nie Kdam Pam (Nie kdam Y Thấp.)	Thôn Buôn kinh,Xã Ea Drong, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Ảnh, Giấy khen
111	11436	KSor Pét	Thôn Buôn HWing, xã Dlai Ya,huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	Huân chương chiến sĩ vẻ vang, huy chương chiến thắng
112	11437	KPă Y Diêng (Y Wai)	Làng Buôn Thung, xã Ea-Bir, huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	
113	11438	Ra Lan Y Pin (Ra Lan Y Her)	Buôn A men Hao, xã Bì Nu, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
114	11439	Siu Piun (Rô sin Piun, Rô Siu Biên)	xã Cư Đrang, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	Ảnh
115	11440	AMa Plik (Niê Phun)	Buôn Kara, xã Buôn Hyao, huyện Cheo Leo, tỉnh Đắk Lắk	
116	11442	Nay Pum (Thu)	xã Ea Ea Bir,huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	
117	11445	Mô lô Qua	Thôn Buôn Tráp,xã Krông Huang, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
118	11447	La Lan Ram (Ra Hlan ram)	Buôn Hoàng, xã Đất Bằng, huyện Cheo Reo,tỉnh Đắk Lắk	
119	11448	Ka Pa Răng (Ka Pa Thái)	xã Đặc Bằng, huyện Cheo Reo,tỉnh Đắk Lắk	
120	11449	Lê Rát (Y Krek)	Buôn kết, xã 6, huyện 2, tỉnh Đắk Lắk	
121	11451	KBuôn Hrau (Hrau)	Buôn Chuar, huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
122	11452	H Ri (Nguyệt Hnga)	Buôn Phi Krôch,xã 1, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	

123	11453	H Riêng	Xã a, huyện 10, Lạc thiện, Đắk Lắk	
124	11545	Lê Y Rin (A Lê Y Rin)	Thôn Buôn Ma Hương, xã Cả Lúi, huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	Ảnh
125	11455	Y Rôk (Y Krêk)	buôn kết, xã Buôn Sum Bum, huyện 2, tỉnh Đắk Lắk	
126	11456	Y cơ Rông (Y Krông)	buôn Tăng Dục, xã 1, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
127	11457	Y kiôn Rút (Niê Ka Dam)	xã Krông Hing, huyện MaĐrăk, tỉnh Đắk Lắk	
128	11460	Niê-HRSai (Y Nguyên, Không-Pa)	Buôn Phai, xã ÊaKhôt, huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
129	11461	Liêng Y Sáu (Liêng Y-Niêng)	Buôn Biệp, xã Đắk Pok, huyện H10, tỉnh Đắk Lắk	
130	11462	Niê Y Siêng	xã Đắk Hiêu, huyện Đắk Phoi, tỉnh Đắk Lắk	
131	11463	Niê KDăm Y Sin(Y Sin Niê KDăm)	xã Buôn Đon, thị xã Buôn Ma thuột, tỉnh Đắk Lắk	
132	11464	Niê Y Sing	Buôn Săr, Huyện H10, tỉnh Đắk Lắk	
133	11465	Niê Y Sinh (Niê BRủi)	Buôn Yoh, xã Buôn Xúc, Huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
134	11467	Nay Y Soăn	Buôn AYun, xã 3, Huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
135	11469	AMa Sơn (Niê Y Sinh, Y Tứ)	Buôn Hai Riêng, xã ÊaLin, Huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
136	11470	Buôn Gà AMí Sơn (HBLéo)	xã EaKar, Huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
137	11471	Nguyễn Văn Sơn (Y Sơn)	Buôn Mghĩ, huyện 9, tỉnh ĐăK Lắk	
138	11472	Niê Sơn (Niê Hồng Sơn)	Buôn Nghĩ, xã Lạc Mân, huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
139	11474	Ka Rông Y Sum	xã Krông Nay, huyện Tróc, tỉnh Đắk Lắk	
140	11475	KSor Sung (KSơn Phong, KSoR Thung)	Thôn Buôn Phũ, xã Êa, huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
141	11476	A Yun Hsứ	xã 3, huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
142	11477	Nguyễn Văn Sỹ (KRor KRun)	xã Đắk Phoi APa, huyện Cheo reo, tỉnh Đắk Lắk	
143	11478	AMa Cách (KRor Sơn, Amakeec, KSor Y Lâng)	Buôn Buôn, xã EaTruôl, huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
144	11479	H' Vinh Tan	Buôn Pung, xã Ê Bon, huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	

145	11480	Y Tang (Trường Tang)	xã EaPhiêu, huyện Lạc Thiện, tỉnh Đắk Lắk	
146	11481	Yama Tăk (KPă, YBRót, Tườn)	Buôn HWin, xã DLie Ya, huyện Cheo reo, tỉnh Đắk Lắk	
147	11482	Ro Yem tép (Ro Yem Kang, PRI Tép)	xã 1, huyện 10, tỉnh Đắk Lắk	
148	11483	Ra Lan, Y Tiên (Ra Lan, YHing)	xã Ấy NU, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
149	11484	Buôn Gia Tiếp (Buôn Gia Y Phí)	Buôn Trĩa, xã Lăk Mơ Trung, Huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk	
150	11486	Romo Y Toát	Xóm Buôn Thu, xã Ia Trăl, Huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
151	11487	Âm Toănh (PARenl)	Xã Phở Thiện, Huyện H3, tỉnh Đắk Lắk	
152	11488	YTôn	Xã Êa Bon, Huyện MĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
153	11489	Chu Tung	Xã Do Biên, Huyện Đăk Phoi, tỉnh Đắk Lắk	
154	11490	Nguyễn Sỹ Tùng (Nguyễn Thành Sơn, Nguyên)	Thị xã Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
155	11491	Niê Y Tuyết (YDuêc)	Xã Buôn Drong, huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
156	11492	Y Tư (Y La)	Làng Buôn Trĩa Măn, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
157	11493	Y TÝ (Y La)	Làng Buôn Trĩa Măn, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
158	11495	Lê Văn Thi (KPĂSer,Y Nam)	Xã đất Bằng, huyện CheoReo, tỉnh Đắk Lắk	
159	11496	MLô Duôn Du Y Thih (Y Ngue)	Buôn ADRơng, xã 2, huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
160	11497	Niê Thoan (Thanh Huấn)	Làng Buôn Xăm, xã Buôn Xăm, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
161	11498	Niê Thô (Lê Thô)	Buôn Rai, huyện MaĐRăk, tỉnh Đắk Lắk	
162	11500	Nguyễn Thị Thống (Lài, Nhí)	Đồn điền Cada, Xã Ea Dip, huyện Ban Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk	
163	11502	Aliô Bé Ama Thu (Y Kiên, Y Xuân)	Buôn DRai Hling, Xã Ca Mđhar, huyện 5, tỉnh Đắk Lắk	
164	11503	Y Thúc (Y Xem)	Xã Enu, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
165	11504	Niê Y Thun (Niê Y Thương)	Làng Buôn Đức, Xã một, huyện một, tỉnh Đắk Lắk	

166	11505	Mí Tring (Hô Ly; Hô Lang)	Xã Buông Chứ Trang, huyện H2, tỉnh Đắk Lắk	
167	11506	Miê Y Truôt (Nay Peng)	Xã PLoi Êa JoNing, huyện 3, tỉnh Đắk Lắk	
168	11508	Y vene (A Tura; Fido; Côtca-atuyra)	Thôn Buôn Bir, xã Êa Rơ Bol, huyện Cheo reo, tỉnh Đắk Lắk	Giấy khen, Bảng gia đình vẻ vang, Huy chương chiến thắng
169	11510	Ama Wik (Nic Y Lam; MiêYCê)	Buôn CuDRăm, xã Krông , huyện 9, tỉnh Đắk Lắk	
170	11511	NiêKdăm Y Wung (Cao)	Buôn Ea Sut, Buôn ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
171	11512	Ama Xé (Y Tru HMôk Luân Yang)	Buôn Đur, xã Fa Bông, Buôn ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
172	11513	Kim Đình Xên (KSor Hrit; Hoan; Kim Sen)	Thôn Buôn HViing, Xã Ly Gia, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
173	11514	Niê Xoa (Niê Rung)	Xã Krông Năng, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
174	11515	Nay Xoa	Xã Buôn Neng, huyện Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
175	11517	Nay Xuân (Nay Y Sũn)	Thôn Buôn Danh, Xã EaBir, huyện MaDRăk, tỉnh Đắk Lắk	
176	11518	Ksa Xuân	Xã Ca Bóc, huyện MaDRăk, tỉnh Đắk Lắk	
177	11519	KPă Yăl	Buôn KRa, Xã DLiêYa, huyện Cheo Reo, tỉnh Đắk Lắk	
178	11520	Y Nu Yênh	Làng Buôn Thấp, Xã EaHDinh, huyện Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	
179	11521	Ê Ban Y Niên (Ê Ban Y Lê)	Buôn KBu, Xã EaKNir, huyện 6, tỉnh Đắk Lắk	
180	11522	Ra Lan Y Preo (Phờ Reo)	Xã 5, huyện H2, tỉnh Đắk Lắk	
181	11523	Ê Ban Y Niên (Ê Ban Y Lê)	Xã Ea KNie, huyện 6, tỉnh Đắk Lắk	
182	11524	KSor Yuôm (Ksor Bơi)	Buôn Bách, xã Ma Kôk, huyện Cheo reo, tỉnh Đắk Lắk	
183	11525	Ka Nong Y Biên	tỉnh Đắk Lắk	
184	11441	Kson Plum	xã Plây Briêng, huyện A3, tỉnh Đắk Lắk	